

TÌNH HÌNH MẮC BỆNH SINH SẢN, HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ VÀ THỬ NGHIỆM GÂY ĐỘNG DỤC ĐỒNG LOẠT TRÊN LỢN MÓNG CÁI Ở MỘT SỐ CƠ SỞ CHĂN NUÔI TẠI TỈNH QUẢNG NINH

*Ngô Thành Trung, Trần Thị Chi,
Vũ Hải Yến, Nguyễn Thị Thuý Mai, Nguyễn Văn Thanh**
Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
*Tác giả liên hệ email: nvthanh54@gmail.com

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá các chỉ tiêu sinh sản, tình hình mắc bệnh sinh sản, hiệu quả điều trị bệnh viêm tử cung và thử nghiệm gây động dục đồng loạt chủ động trên lợn nái Móng Cái ở một số cơ sở chăn nuôi tại tỉnh Quảng Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy trung bình số con sinh ra/ổ là 9 -12 con, cao nhất ở lứa đẻ thứ 3 và thấp nhất ở lứa đẻ thứ nhất. Khối lượng lợn sơ sinh trung bình/con/ổ ở lợn nái sinh sản lứa thứ ba và lứa thứ hai là 0,56 và 0,55 kg. Ở lợn nái đẻ lứa đầu tiên, thứ tư và thứ năm, lợn sơ sinh có khối lượng lần lượt là 0,51; 0,53 và 0,52 kg/con. Tỷ lệ số lợn con cai sữa trung bình/ổ cao nhất ở lợn nái đẻ lứa thứ 2 (94,44 %), thấp nhất ở lứa thứ 4 (85,1%). Tỷ lệ đàn có số con chết lưu từ lứa thứ nhất đến lứa thứ năm lần lượt là 7,25; 7,4; 6,02; 8,69; 20%. Tỷ lệ số con bị dị tật/tổng số con sinh ra từ lứa thứ nhất đến lứa thứ năm lần lượt là 0,6; 0,57; 0,46; 1,89; 2,78%. Trong đó tỷ lệ số con bị thai bần, thai gổ là 50; 45,45; 50; 41,17; 33,33%. Tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung sau đẻ của lợn nái Móng Cái là cao nhất so với các bệnh còn lại (2-20%) và trong đó cao nhất ở lợn nái đẻ lứa thứ nhất (20%). Tỷ lệ lợn nái sinh sản ở lứa 1 - 4 bị viêm vú là khoảng 3 - 4%. Tỷ lệ lợn nái đẻ khó và mất sữa cũng xuất hiện ít hơn, chỉ dao động 1 - 3% và ở các lứa đẻ thứ 1 đến lứa đẻ thứ 4. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh viêm tử cung ở lợn nái Móng Cái sau đẻ là 97,1%. Thời gian điều trị là $6,3 \pm 1,1$ ngày và thời gian động dục lại sau cai sữa là $10,2 \pm 1,0$ ngày. Tỷ lệ lên giống với lô thí nghiệm là 95%, trong khi đó lô đối chứng chỉ đạt 80%. Phác đồ sử dụng trong nghiên cứu này đã không làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sinh sản theo dõi. Cụ thể là tỷ lệ lợn nái có chửa đạt 100%, trung bình số con sinh ra/ổ đạt $15,02 \pm 1,12$ con; trung bình số con sinh ra còn sống là $13,77 \pm 1,13$ con; tỷ lệ số con cai sữa/số con sinh ra còn sống đạt 99,1% và khối lượng lợn sơ sinh trung bình/con/ổ đạt $0,54 \pm 0,02$ kg.

Từ khóa: lợn Móng Cái, bệnh sinh sản, gây động dục đồng loạt chủ động.

Situation of reproductive disease, effectiveness of treatment and causing estrus actively and simultaneously in Mong Cai sows in some livestock farms in Quang Ninh province

*Ngo Thanh Trung, Tran Thi Chi,
Vu Hai Yen, Nguyen Thi Thuy Mai, Nguyen Van Thanh*

SUMMARY

The objective of this study aimed at assessing the reproduction indicators, reproductive diseases, treatment of metritis and causing estrus actively and simultaneously in Mong Cai sows in some livestock farms in Quang Ninh province. The studied result showed that average number of newborn piglets/litter were from 9 to 12, highest in the 3rd litter and lowest in the 1st litter. The average newborn weight/piglet/litter from the sows giving birth in the third and second litters was 0.56 kg and 0.55 kg, respectively. In the sows giving birth in the first litter, the fourth litter and the fifth litter, the average

newborn weight of piglet was 0.51kg; 0.53kg and 0.52kg, respectively. The average rate of the weaning piglets per litter was highest in the sows giving birth in the 2nd litter (94.44%), and lowest in the 4th litter (85.1%). The percentage of herds having the number of stillborn piglets from the first to fifth litters was 7.25, 7.4, 6.02, 8.69, 20%, respectively. The rate of piglets suffering with deformities/newborn total from the 1st litter to 5th litter was 0.6, 0.57, 0.46, 1.89, 2.78%, respectively. Of which, the ratio of the newborn piglets suffering with mud fetuses and wooden fetuses in 5 litters was 50, 45.45, 50, 41.17, 33.33%, respectively. The incidence of postpartum metritis in Mong Cai sows was the highest compared to other diseases (2-20%) and was the highest in the sows giving birth in the first litter (20%). The rate of breeding sows in 1st - 4th litters infected with mastitis was about 3 - 4%. The rate of sows with difficulty giving birth and loss of milk also appeared with the low rate, only 1 - 3% and in the 1st litter to 4th litter. The treatment efficacy for metritis in Mong Cai sows after farrowing was 97.1 %. Treatment time was 6.3 ± 1.1 days and return to estrus after weaning was 10.2 ± 1.0 days. The seeding rate with the experimental group was 95%, of which the control group only reached 80%. The regimen used in this study did not affect to some reproductive monitored parameters. Specifically, the pregnancy rate reached 100%, the average number of new born/litter reached 15.02 ± 1.12 piglets. The average number of survival newborn was 13.77 ± 1.13 piglets. The rate of weaning piglets /survival newborn number reached 99.1% and the average weight of newborn/litter reached 0.54 ± 0.02 kg.

Keywords: Mong Cai pigs, reproductive diseases, oestrous synchronization.